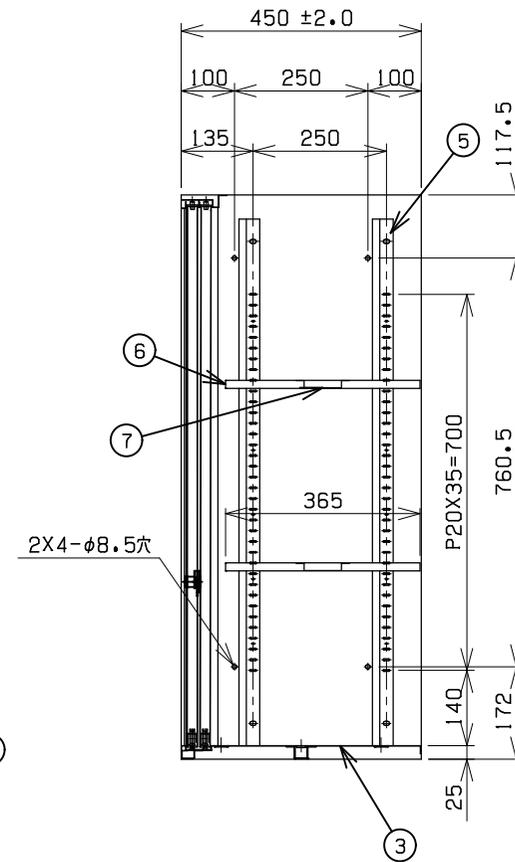
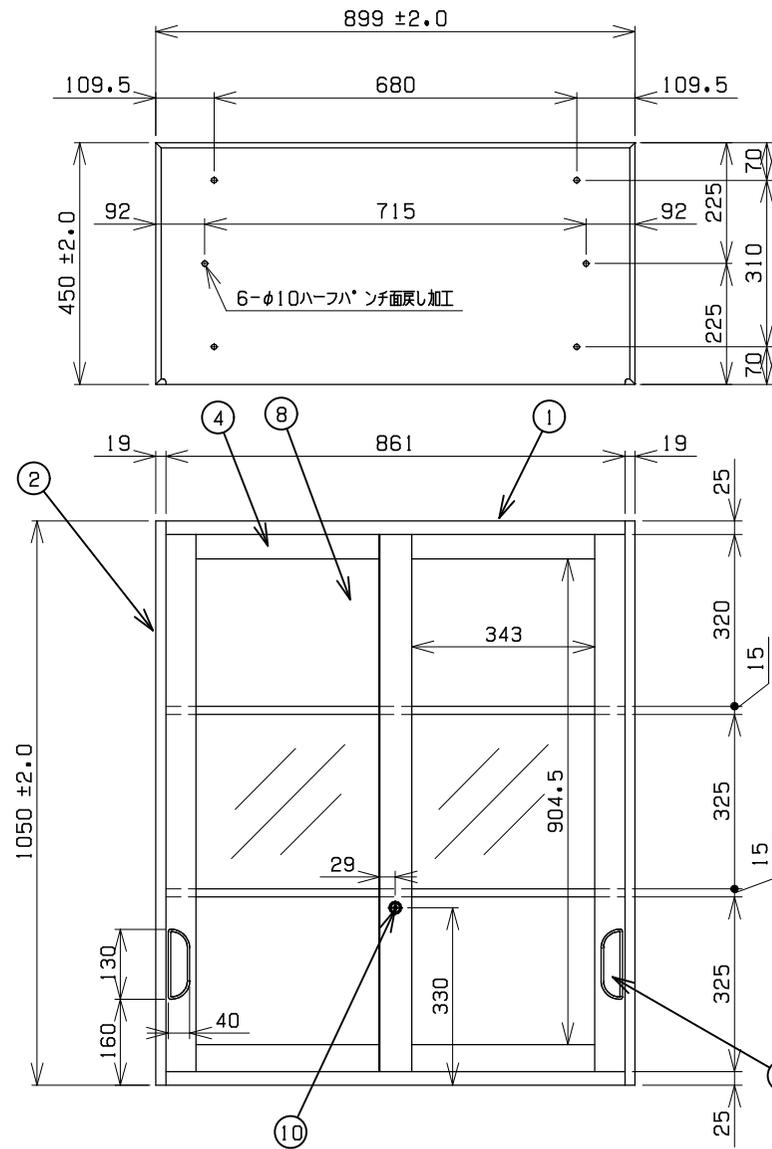


符号	部品名称	個数	材質	加工	部品図番及備考
1	天板	1	SPCC 0.7t	塗装	
2	側裏板	1	SPCC 0.7t	塗装	
3	地板	1	SPCC 0.7t	塗装	
4	扉板	2	SPCC 0.7t	塗装	左右各1
5	棚受け	4	SPCC 0.6t	塗装	
6	棚板	2	SPCC 0.7t	塗装	
7	棚板補強	2	SPCC 0.6t	塗装	
8	扉カ"ラス	2	ガラス 3.0t	透明	
9	引き手	2	ABS		
10	CL-01錠	1	ZDC2		

△ 2019.10.7 フ"ラック色追加の為品番追加 永岡



HOS-HKGN  
 塗色 BN-90  
 引き手 ホワイト

△ HOS-HKGN-B  
 塗色 CN-10  
 引き手 フ"ラック

HOS引き戸カ"ラス 姿図 上置き用  
 W899XD450XH1050

欠保

SCALE.  
1/10

DATE.  
H21.4.13

DWG.No.  
HOS-HKGN-001-A

CODE. HOS-HKGN  
HOS-HKGN-B △

REV.

PROJECT.

SUBJECT.